

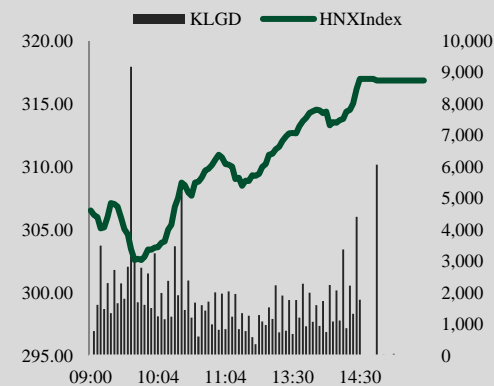
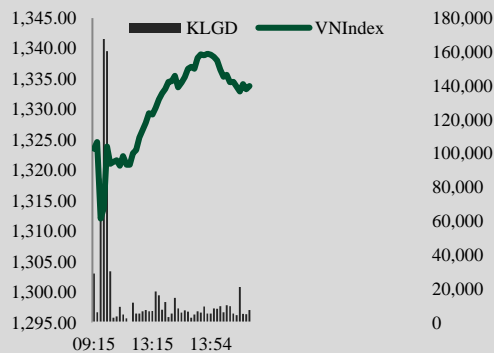
TIÊU ĐIỂM

Lực cầu bắt đáy tại ngưỡng hỗ trợ 1,300 giúp VN Index đóng cửa trong sắc xanh. Thanh khoản duy trì tương đương so với phiên liền trước và tiếp tục ở mức cao.

Thông kê thị trường	HSX	HNX
Index	1,332.90	316.87
Thay đổi	0.99%	3.42%
KLGD (cổ phiếu)	822,292,698	151,762,201
GTGD (tỷ VND)	25,873.35	3,650.32

Số cổ phiếu tăng giá	222	116
Số cổ phiếu đứng giá	58	73
Số cổ phiếu giảm giá	170	77

Sản phẩm phái sinh	Chỉ số	Thay đổi
VN30F1M	1,459.00	29.10
VN30F2M	1,451.00	26.50
VN30F1Q	1,450.00	16.60
VN30F2Q	1,443.30	27.20



BẬT LÊN SAU HAI PHIÊN GIẢM ĐIỂM, VN INDEX TĂNG 13 ĐIỂM

- Lực cầu bắt đáy tại ngưỡng hỗ trợ 1,300 giúp VN Index đóng cửa trong sắc xanh. Thanh khoản duy trì tương đương so với phiên liền trước và tiếp tục ở mức cao.
- Trong phiên sáng, sau một vài nhịp rung lắc nhẹ, dòng tiền bắt đáy khá mạnh mẽ đã giúp sắc xanh dần le lối trở lại ở một số cổ phiếu vốn hóa lớn (VHM, VCB, HPG...). Tại thời điểm 10h10, VN-Index tăng gần 1.00% lên trên 1,320 điểm. Trên sàn Hà Nội, HNX-Index và UPCOM-Index cùng vượt trên tham chiếu. Trong phiên chiều, phe mua dần trở nên áp đảo hơn và theo đó giúp VN-Index và VN30 cùng nới rộng mức tăng lên gần 2.00%. Mặc dù đà tăng của chỉ số có suy yếu đôi chút về cuối phiên khi một số mã vốn hóa lớn đảo chiều giảm điểm hoặc thu hẹp đà tăng như VIC, VNM, GAS,... nhưng kết thúc phiên giao dịch, VN Index vẫn ghi nhận mức tăng 13.02 điểm (+0.99%) và đạt mức 1,332.90, trong khi HNX đạt 316.87 (+3.42%).
- Phiên tăng điểm hôm nay cho thấy nhà đầu tư vẫn đang duy trì tâm lý lạc quan vào triển vọng thị trường và sẵn sàng giải ngân trong các nhịp hồi phục của thị trường chung

Khuyến nghị

- Mặc dù vậy, trong bối cảnh thị trường trong nước vẫn đang ở “vùng trống” thông tin, chúng tôi cũng cho rằng nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên bảo toàn thành quả trong giai đoạn hiện tại hơn là tìm kiếm lợi nhuận bằng cách “bắt đáy” các cổ phiếu ở trạng thái quá bán, cụ thể là cân nhắc đưa tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục về mức hợp lý và chỉ nên mua thêm các cổ phiếu đã có mức chiết khấu mạnh so với định giá cơ bản đồng thời vẫn duy trì được triển vọng kinh doanh tích cực trong nửa cuối năm 2021.
- Tham khảo thêm top 10 doanh nghiệp có lợi nhuận sau thuế tăng trưởng trong Q1.2021 so với cùng kỳ năm ngoái trong phần Thông kê thị trường của báo cáo này.

Đánh giá triển vọng thị trường

Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn
TÍCH CỰC	TÍCH CỰC	TÍCH CỰC

Một số tin tức đáng chú ý

- **Thặng dư thương mại với Hoa Kỳ hơn 31 tỷ USD sau 5 tháng.** Việt Nam đang có mức thặng dư thương mại 31,2 tỷ USD với Hoa Kỳ, thặng dư 9,4 tỷ USD so với EU và thâm hụt 23,4 tỷ USD so với Trung Quốc.
- **Chỉ số giá sản xuất của Trung Quốc tăng mạnh nhất kể từ 2008.** Theo số liệu vừa được Tổng cục thống kê Trung Quốc công bố sáng nay (9/6), chỉ số giá sản xuất tháng 5 tăng 9% so với cùng kỳ năm ngoái, sau khi tăng 6,8% trong tháng 4. Trước đó các chuyên gia tham gia khảo sát của Bloomberg đưa ra con số dự báo là 8,5%.

Các danh mục cổ phiếu đầu tư tham khảo

- [Danh mục cổ phiếu đầu tư ngắn hạn](#)
- [Danh mục cổ phiếu đầu tư tăng trưởng dài hạn](#)
- [Danh mục cổ phiếu đầu tư theo cổ tức](#)

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

MÃ	NGÀY KHUYẾN NGHỊ	TRẠNG THÁI	NGÀY MUA	VÙNG MUA KHUYẾN NGHỊ	GIÁ HIỆN TẠI	NGUỒN CẮT LỖ	NGUỒN CHỐT LỖ	ƯỚC TÍNH % LÃI/LỖ	GHI CHÚ
GVR	03/06/2021	Đang nắm giữ Cổ phiếu đã rơi vào vùng giá khuyến nghị mua hôm nay (09/06/2021)	09/06/2021	27.75 – 28.25	29.30	26.60	32.20	4.64%	Cổ phiếu vốn hóa lớn, nhận được sự chú ý của dòng tiền và có tiềm năng tăng trưởng tốt trong năm 2021
VRE	07/05/2021	Đang nắm giữ	10/05/2021	30.50 – 31.00	31.70	29.20	35.40	3.09%	Cổ phiếu dẫn dắt thị trường và nhận được sự chú ý của dòng tiền, đi cùng các thông tin hỗ trợ tích cực về kế hoạch trả cổ tức và kết quả kinh doanh

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DÀI HẠN

MÃ	GIÁ ĐIỀU CHỈNH TẠI NGÀY KHUYẾN NGHỊ	GIÁ MỤC TIÊU	GIÁ ĐÓNG CỬA HIỆN TẠI	% ƯỚC TÍNH LÃI/LỖ	ROA %	ROE %	EPS 2020 (x1000 VND)	P/E	P/B
ACB	31.10	36.70	42.45	36.50%	2.06	25.63	3.51	10.63	2.42
CTG	37.90	42.05	50.50	33.25%	1.38	20.93	3.68	10.60	2.06
DGC	59.50	82.40	71.00	19.33%	18.30	24.60	4.99	12.90	2.93
DXG	23.85	28.20	24.10	1.05%	-0.14	-0.47	-0.96	-	1.87
GMD	32.20	41.00	39.00	21.12%	3.98	6.18	1.15	31.31	1.94
HPG	47.15	62.40	50.30	6.68%	14.74	31.30	2.85	12.40	3.41
NKG	23.15	26.40	31.50	36.07%	6.34	17.46	1.67	9.48	1.55
PET	21.80	29.30	21.90	0.46%	2.56	9.65	1.53	11.89	1.15
PGV	18.30	24.70	17.60	-3.83%	2.40	13.03	1.67	10.55	1.29
TPB	26.90	33.10	35.90	33.46%	1.95	24.13	3.40	9.42	2.06
TV2	59.70	87.70	51.60	-13.57%	8.70	21.64	7.28	7.87	1.55

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ THEO CỔ TỨC

MÃ	GIÁ ĐÓNG CỬA PHIÊN HÔM NAY	TỈ LỆ CỔ TỨC TIỀN MẶT/MỆNH GIÁ NĂM 2020	TỈ LỆ CỔ TỨC TIỀN MẶT 2020 / GIÁ HIỆN TẠI	ROA %	ROE %	EPS 2020 (x1000 VND)	P/E	P/B	GHI CHÚ
DVP	47.90	25.00%	5.22%	18.47	19.71	5.94	7.81	1.50	
FOC	107.60	200.00%	18.59%	18.98	24.16	9.99	10.77	2.43	
GHC	29.70	27.00%	9.09%	7.85	18.68	4.14	7.17	1.49	
HLD	32.60	10.00%	3.07%	10.84	15.93	3.71	8.99	1.47	
LHG	38.20	15.00%	3.93%	6.23	13.09	3.66	11.36	1.45	*: Ước tính cho năm 2020
NCT	72.00	75.00%	10.42%	35.81	39.64	7.49	9.24	4.09	
NT2	19.30	25.00%	12.95%	7.76	12.79	2.10	10.31	1.35	
RAL	202.50	50.00%	2.47%	9.77	35.22	29.23	6.37	2.05	
PPC	23.75	20.00%	8.42%	14.93	16.48	3.15	7.51	1.22	
VEA	46.50	35.00%	7.53%	18.35	21.41	4.17	11.16	2.46	*: Ước tính cho năm 2020

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

VN Index



VN – Index vẫn dao động trên trên đường MA 10 và 20 cho thấy đà tăng vẫn đang tiếp diễn, tuy nhiên có thể sẽ chậm lại do đường giá đang tiệm cận vùng trên của Bollinger Bands cũng như chỉ báo RSI đang tiến dần đến vùng quá mua. Ngưỡng kháng cự tại 1,370 – 1,375, ngưỡng hỗ trợ tại 1,250 – 1,260.

Cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

STT	MÃ KHUYẾN NGHỊ	GIÁ MUA	NHẬN ĐỊNH
1	VIB	52.50	Bứt phá khỏi vùng tích lũy với khối lượng lớn Dùng lỗ: 49.85 Chốt lời: 60.40



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

TOP 5 CP LÀM TĂNG CHỈ SỐ

HOSE

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
VCB	102,000	2.00	2.001	2.39MLN
NVL	106,300	6.05	1.770	3.53MLN
CTG	50,500	3.06	1.507	14.89MLN
ACB	42,450	5.60	1.312	12.57MLN
TCB	50,800	2.63	1.229	22.40MLN

HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
SHB	31,300	7.93	5.063	29.91MLN
VND	57,600	9.92	1.228	7.27MLN
BAB	27,100	4.23	1.002	287,200
SHS	36,800	7.92	0.759	10.73MLN
PVS	28,400	5.19	0.478	20.03MLN

TOP 5 CP LÀM GIẢM CHỈ SỐ

HOSE

Mã	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
SSB	40,200	-6.51	-0.913	2.64MLN
VIC	118,800	-0.83	-0.912	1.81MLN
GAS	87,400	-0.79	-0.361	866,600
VNM	89,100	-0.67	-0.338	3.01MLN
PLX	53,800	-1.65	-0.314	4.05MLN

HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
PHP	20,500	-2.38	-0.023	85,000
VHL	23,700	-6.32	-0.023	3,800
SIC	20,200	-9.82	-0.023	100
PMC	68,300	-5.14	-0.022	2,700
PLC	26,000	-2.26	-0.017	345,200

TOP 5 CP TĂNG GIÁ MẠNH NHẤT ĐI CÙNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐÓT BIẾN

HOSE

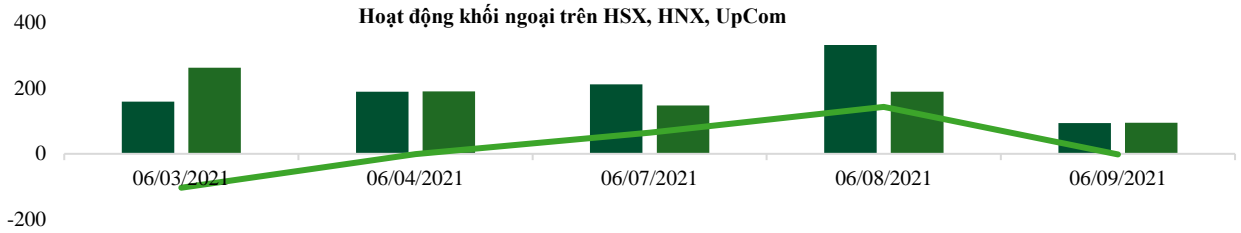
Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
VMD	560.48	36,300	68,700	6.92
SJS	6,002.40	52,700	337,400	6.90
LPB	33,582.47	31,250	23,183,200	6.84
CTS	2,362.07	22,200	3,913,400	6.73
VCI	14,069.25	84,500	3,383,700	6.29

HNX

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
VND	12,356.05	57,600	7,270,200	9.92
MBS	6,532.78	27,900	2,978,700	9.41
SHS	7,627.47	36,800	10,732,800	7.92
IVS	728.18	10,500	203,800	6.06
PV2	136.41	3,700	475,200	5.71

TOP 10 DOANH NGHIỆP CÓ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TĂNG TRƯỞNG SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Giá đóng cửa (x1000 VND)	KLGD (cổ phiếu)	LNST Q1.2020 (Tỷ VND)	LNST Q1.2021 (Tỷ VND)	% thay đổi LNST (yoy)
1	VPG	37.70	514,500	0.33	138.49	41866.67%
2	VC3	19.70	203,800	0.38	13.95	3571.05%
3	HAX	23.15	604,500	3.15	55.56	1663.81%
4	SMC	36.30	1,075,800	14.48	215.62	1389.09%
5	TVC	14.60	2,252,600	9.45	123.34	1205.19%
6	NDN	23.50	528,000	3.75	48.13	1183.47%
7	VND	57.60	7,270,200	58.15	499.86	759.60%
8	NKG	31.50	4,052,200	41.49	318.79	668.35%
9	DXG	24.10	42,871,800	93.69	711.79	659.73%
10	SHS	36.80	10,732,800	46.57	270.81	481.51%



TOP 5 CP MUA RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VHM	106,100	100,348.22	28,861.01	71,487.21
CTG	50,500	73,260.71	16,062.99	57,197.72
OCB	30,650	57,749.95	1,378.04	56,371.92
STB	29,600	74,046.78	17,771.14	56,275.65
HDB	33,400	55,310.00	1,752.76	53,557.25

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
PVI	35,600	5,902.66	1,043.55	4,859.11
VCS	98,700	2,789.98	435.37	2,354.61
PAN	27,100	1,400.54	-	1,400.54
THD	194,000	1,121.12	57.51	1,063.61
APS	14,300	666.25	79.20	587.05

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VEA	46,500	16,525.98	4,719.47	11,806.51
ABI	52,000	4,948.46	239.56	4,708.90
ACV	71,100	4,191.09	7.00	4,184.09
BSR	19,300	1,692.24	40.77	1,651.47
HPP	69,900	318.35	-	318.35

TOP 5 CP BÁN RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
HPG	50,300	129,723.53	647,433.80	517,710.27
DXG	24,100	19,252.60	446,896.47	427,643.87
NVL	106,300	16,238.05	151,946.70	135,708.65
GEX	22,500	3,059.81	59,254.23	56,194.43
VIC	118,800	44,557.63	77,410.95	32,853.32

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VND	57,600	12,572.13	51,473.23	38,901.10
NTP	48,500	522.65	1,147.91	625.26
NVB	19,600	30.40	383.77	353.37
BVS	27,700	430.02	766.08	336.06
PPS	10,000	-	238.80	238.80

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
CSI	9,700	-	6,640.00	6,640.00
CST	10,800	1.14	924.65	923.51
VGI	33,600	77.97	922.54	844.57
SBS	12,800	100.39	769.28	668.89
VTP	95,900	124.46	709.08	584.62

ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trần Minh Hoàng

Trưởng phòng Phân tích & Nghiên cứu

tmhoang@vcbs.com.vn

Nguyễn Hoàng Minh

Chiến lược gia thị trường

nhminh@vcbs.com.vn

Mai Ngọc Kha

Trưởng bộ phận Phát triển khách hàng

mnkha@vcbs.com.vn

Hoàng Tùng Vũ

Chuyên viên phân tích thị trường

htvu@vcbs.com.vn